

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Tên chương trình** : Đào tạo cao đẳng Sư phạm Địa lý – Giáo dục công dân  
**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng  
**Ngành đào tạo** : Sư phạm Địa lý  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Địa lý - Giáo dục công dân trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt. Nắm vững các tri thức về địa lý cơ bản và phương pháp giảng dạy Địa lý và Giáo dục công dân ở trường Trung học cơ sở, đáp ứng chương trình và nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường Trung học cơ sở hiện nay.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

##### 1.2.2. Về kiến thức

- Hiểu được bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của khoa học địa lý.
- Nắm vững kiến thức cơ bản và hệ thống về khoa học Địa lý: kiến thức địa lý tự nhiên đại cương, địa lý tự nhiên các khu vực trên thế giới, địa lý kinh tế - xã hội đại cương, địa lý kinh tế - xã hội thế giới và Việt Nam, kiến thức về bản đồ.
- Hiểu rõ chủ trương đổi mới phương pháp dạy học ở các cấp học, bậc học của Đảng và Nhà nước hiện nay.
- Nắm được lý luận dạy học cơ bản, tiếp cận được các phương pháp dạy học hiện đại.

##### 1.2.3. Về kỹ năng

- Giải thích được các hiện tượng địa lý tự nhiên, các quá trình kinh tế - xã hội đề cập đến trong chương trình trung học cơ sở.
- Áp dụng được các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào các quá trình dạy học địa lý ở các trường trung học cơ sở của nước ta, nâng cao chất lượng dạy học địa lý.
- Có khả năng nghiên cứu tìm hiểu tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực, địa phương phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập địa lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

- Có kỹ năng sư phạm, khả năng vận dụng những hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp vào việc dạy học địa lý ở các trường trung học cơ sở.
- Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng sư phạm ngành Địa lí – Giáo dục công dân có thể dạy tốt môn Giáo dục Công dân trong trường Trung học cơ sở, làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động công tác Đội.

**2. Thời gian đào tạo:** 3 năm

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 105 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (90 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (135 tiết).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT, Bỏ túc THPT hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm**

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**7. Nội dung chương trình**

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL	TH	Tự học	
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)</b>			<b>32</b>					
<b>7.1.1. Kiến thức GDĐC chung cho khối ngành</b>			<b>21</b>					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1202	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1006	Giáo dục thể chất	90t					
8	QP1007	Giáo dục quốc phòng và an ninh	135t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	
10	TG1203	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	2	26	3	1	60	

<b>7.1.2. Kiến thức GDĐC riêng cho ngành (ngành chính)</b>			<b>11</b>					
<b>a) Kiến thức GDĐC bắt buộc</b>			<b>9</b>					
11	TN1364	Toán cao cấp C	3	30	15		90	
12	LC1206	Thống kê xã hội học	2	20	10		60	
13	ĐL1218	Cơ sở khoa học môi trường	2	27	3		60	
14	KT1221	Kinh tế học đại cương	2	20	10		60	
<b>b) Kiến thức GDĐC tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)</b>			<b>2</b>					
15	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1	2*	28	2		60	
16	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	2*	20	8	2	60	
17	VL1259	Vật lí và Thiên văn đại cương	2*	20	10		60	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>73</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức nghiệp vụ chung cho khối ngành</b>			<b>14</b>					
18	TG2222	Tâm lý học đại cương 1	2	26	2	2	60	
19	TG2323	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	38	5	2	90	
20	TG2224	Giáo dục học đại cương 1	2	24	4	2	60	
21	TG2325	Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường THCS	3	39	4	2	90	
22	CD2211	Công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	2	20	10		60	
23	ĐL2229	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	10		20	60	
<b>7.2.2. Kiến thức ngành chính (môn 1)</b>			<b>30</b>					
<b>a) Kiến thức ngành chính bắt buộc</b>			<b>28</b>					
24	ĐL2201	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	27		3	60	
25	ĐL2202	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	25		5	60	
26	ĐL2203	Địa lý tự nhiên đại cương 3	2	25		5	60	
27	ĐL2204	Địa chất học	2	27		3	60	
28	ĐL2205	Bản đồ học	2	27		3	60	
29	ĐL2106	Thực địa 1 (Thực địa tự nhiên)	1	3		12	30	24; 25; 26
30	ĐL2207	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	2	27		3	60	24; 25; 26
31	ĐL2208	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	2	27		3	60	30
32	ĐL2209	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	2	27		3	60	
33	ĐL2210	Địa lí các châu	2	28		2	60	24; 25; 26
34	ĐL2211	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	2	27		3	60	32
35	ĐL2212	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	2	26		4	60	34
36	ĐL2113	Thực địa 2 (thực địa tổng hợp)	1	3		12	30	34; 35

37	ĐL2214	Lí luận dạy học Địa lí	2	27		3	60	24; 25; 26
38	ĐL2115	Phương pháp dạy học Địa lí ở trường THCS	2	20		10	60	37
<i>b) Kiến thức ngành chính tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)</i>			<b>2</b>					
39	ĐL2216	Giáo dục dân số - môi trường và giảng dạy địa lí địa phương	2*	27		3	60	
40	ĐL2217	Hệ thống thông tin địa lí	2*	20		10	60	
41	ĐL2228	Địa lí tự nhiên biển Đông	2*	28		2	60	
<b>7.2.3. Kiến thức ngành phụ (môn 2)</b>			<b>18</b>					
<i>a) Kiến thức ngành phụ bắt buộc</i>			<b>16</b>					
42	LC2409	Pháp luật chuyên ngành	4	40	20		120	1
43	LC2410	Đạo đức học	4	40	20		120	1; 2
44	LC2311	Hành chính nhà nước	3	30	15		90	1
45	LC2212	Những vấn đề thời đại ngày nay	2	20	10		60	1
46	LC2313	PP giảng dạy môn giáo dục công dân	3	25	10		90	42; 43; 44
<i>b) Kiến thức ngành phụ tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</i>			<b>2</b>					
47	LC2214	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2*	20	10			1
48	LC2215	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	2*	20	10			1
<b>7.2.4. Thực tập, thi tốt nghiệp</b>			<b>11</b>					
50	ĐL2223	Thực tập sư phạm 1	2					
51	ĐL2424	Thực tập sư phạm 2	4					
52	ĐL2525	Thi tốt nghiệp	5					
<b>Cộng:</b>			<b>105</b>					

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PSG.TS Cao Văn**